

CÔNG TY TNHH ẢO THUẬT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ẢO THUẬT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM MAGIC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109615146

3. Ngày thành lập: 29/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26 ngõ 280/3, phố Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 083.9988.966

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
2.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
3.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
4.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
6.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
7.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
8.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
9.	Sản xuất giày, dép	1520
10.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
11.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
12.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
14.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
15.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
16.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
17.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
20.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
21.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211

22.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
23.	Sản xuất nhạc cụ	3220
24.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
25.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
26.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
27.	Xây dựng nhà để ở	4101
28.	Xây dựng nhà không để ở	4102
29.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
31.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
32.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
34.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
37.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
38.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
39.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
40.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
41.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí.	4773
42.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
43.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
44.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
45.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
46.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: loại trừ: Hoạt động đầu giá	4791
47.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: loại trừ: Hoạt động đầu giá	4799
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
52.	Cơ sở lưu trú khác	5590
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
55.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
56.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
57.	Quảng cáo	7310
58.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
59.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
60.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: loại trừ: Hoạt động của phóng viên ảnh.	7420
61.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: loại trừ: hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán.	7490
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
64.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
65.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
67.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: loại trừ: Dịch vụ báo cáo tòa án; Hoạt động đấu giá; dịch vụ lấy lại tài sản.	8299
70.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
71.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
72.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: loại trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể; Dạy về tôn giáo	8559
73.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
74.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000(Chính)
75.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
76.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp (Nghị định 36/2019/NĐ-CP)	9312
77.	Hoạt động thể thao khác	9319
78.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

79.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
80.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
81.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
82.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
83.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
84.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
85.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
86.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
87.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
88.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VŨ THẾ TRƯỜNG Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Tổng giám đốc*
 Sinh ngày: *02/10/1995* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *013176122*
 Ngày cấp: *19/04/2012* Nơi cấp: *Công an Hà Nội*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 26 ngõ 280/3 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số 26 ngõ 280/3 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội